TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 02/2023/QĐST-HNGĐ	*Tân Biên, ngày 29 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T3, TỈNH TÂY NINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Mai Thị Kim Thu.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Xuân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T3 tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Út Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T3, tỉnh Tây Ninh tiến hành mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc "*Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Hội Liên hiệp phụ nữ xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Tường V1 - Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã T2; vắng mặt.

Địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1973; HKTT: Khu phố 2, thị trấn T3, huyện T3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

+ Ông Tăng Bùn S1, sinh năm 1971; HKTT: Khu phố 2, thị trấn T3, huyện T3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

** Theo đơn yêu cầu ngày 22/11/2023 và các lời khai của Hội Liên hiệp phụ nữ xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh trình bày:*

Vào năm 1989 do chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng ông Tăng Bùn S1 và bà Bùi Thị H1 đã không cung cấp giấy tờ tùy thân cho cán bộ hộ tịch Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh để ghi chính xác thông tin họ tên, đồng thời khai tăng tuổi của mình từ Bùi Thị H1, sinh năm 1973 thành Bùi Thị H1, sinh năm 1971 và ông Tăng Bùn S1, sinh năm: 1971 thành Tăng Buồn S1, sinh năm: 1969 để đủ điều kiện đăng ký kết hôn dẫn đến việc Ủy ban nhân dân xã T2 đã cấp giấy Chứng nhận kết hôn ngày 19/3/1989 mà năm sinh và tên trong giấy kết hôn không trùng khớp với năm sinh trong giấy tờ tùy thân của bà H1, ông S1.

Hiện nay bà H1, ông S1 đã thay đổi nơi cư trú, theo đó:

Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1973; hộ khẩu thường trú: Khu phố 2, thị trấn T3, huyện T3, tỉnh Tây Ninh;

Ông Tăng Bùn S1, sinh năm 1971; hộ khẩu thường trú: Khu phố 2, thị trấn T3, huyện T3, tỉnh Tây Ninh.

Theo đơn tường trình ngày 10/11/2023 thì bà H1, ông S1 có Đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã T2 hủy việc kết hôn trái pháp luật vào năm 1989 do thời điểm đăng ký năm 1989 bà H1, ông S1 đều chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 và không khớp với giấy tờ tùy thân hiện nay của bà H1, ông S1.

Do đó, Hội Liên hiệp phụ nữ xã T2 đề nghị Tòa án nhân dân huyện T3 xem xét hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Bùi Thị H1 và ông Tăng Bùn S1 theo Giấy Chứng nhận kết hôn ngày 19/3/1989 do Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh cấp.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ bà Bùi Thị H1 trình bày*:

Vào năm 1989 bà và ông Tăng Bùn S1 có làm lễ cưới và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh nơi ông S1 có đăng ký hộ khẩu thường trú.

Thời điểm năm 1989 do bà sinh vào năm 1973 nên mới 16 tuổi, chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 (nữ phải đủ 18 tuổi, nam phải đủ 20 tuổi), bà lúc đó có hộ khẩu thường trú tại ấp C1, xã T4, huyện T3, tỉnh Tây Ninh. Khi đến Ủy ban nhân dân xã T2 nơi ông S1 có hộ khẩu thường trú để làm thủ tục đăng ký kết hôn, bà đã kê khống tăng thêm 02 tuổi từ Bùi Thị H1, sinh năm 1973 thành Bùi Thị H1, sinh năm 1971 để đủ tuổi kết hôn.

Nay do giấy tờ tùy thân không trùng khớp với giấy chứng nhận kết hôn nên bà và ông S1 không thể làm giấy tờ đất của gia đình nên bà đồng ý hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Đơn yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã T2, đồng thời đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Tăng Bùn S1 từ thời điểm đủ tuổi kết hôn tính từ ngày 01/01/1992.

Bà và ông S1 vẫn chung sống vợ chồng hạnh phúc từ năm 1989 đến nay và có 02 con chung là Tăng Buồn S2, sinh ngày 19/8/1989 và Tăng Bùn S3, sinh ngày 12/10/2000. Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Tăng Bùn S1 trình bày*:

Vão năm 1989 ông lúc đó mới 18 tuổi, sinh năm 1971 có hộ khẩu thường trú tại ấp T5, xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 (nam phải đủ 20 tuổi, nữ phải đủ 18 tuổi) do muốn làm giấy kết hôn nên ông đã kê khống tăng thêm 02 tuổi để đủ 20 tuổi kết hôn.

Khi đến Ủy ban nhân dân xã T2 nơi ông có hộ khẩu để làm thủ tục đăng ký kết hôn thì được cán bộ xã chỉ hỏi miệng họ tên, năm sinh của ông và bà H1 rồi tự ghi vào Giấy chứng nhận kết hôn, không yêu cầu ông bà xuất trình giấy tờ tùy thân và cũng không yêu cầu viết tờ khai về thông tin cá nhân như hiện nay. Nên ông có khai tên là Tăng Bùn S1, sinh năm 1969 nhưng cán bộ xã đã ghi sai tên lót của tôi từ "Bùn" viết sai thành "Buồn" nên trong Giấy kết hôn ngày 19/3/1989 ghi thông tin chồng "Tăng Buồn S1, sinh năm 1969"; còn vợ ông là bà H1 cũng khai khống tăng thêm tuổi từ Bùi Thị H1, sinh năm 1973 thành Bùi Thị H1, sinh năm 1971để đủ tuổi kết hôn, do thời điểm năm 1989 không kỹ giấy tờ như hiện nay nên cán bộ chỉ kêu một mình ông ký tên, rồi vợ chồng ông đem giấy kết hôn về cất giữ đến nay mới phát hiện là có sai sót. Thời điểm năm 1989 thì chỉ cấp 01 bản duy nhất giấy kết hôn cho vợ chồng cùng giữ.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng ông sống cùng cha mẹ. Đến ngày 26/8/1996 thì vợ chồng ông chuyển hộ khẩu về thị trấn T3, huyện T3, tỉnh Tây Ninh sống đến nay.

Hiện giấy tờ tùy thân của ông và bà H1 cũng như Giấy khai sinh con, Chứng minh nhân dân, căn cước công dân, sổ hộ khẩu đều thể hiện là Tăng Bùn S1, sinh năm 1971 và Bùi Thị H1, sinh năm 1973; chỉ có mỗi Giấy kết hôn là không thống nhất năm sinh, tên lót của ông với các giấy tờ tùy thân.

Nay ông đồng ý hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Đơn yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã T2, đồng thời đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Bùi Thị H1 từ thời điểm đủ tuổi kết hôn tính từ ngày 01/01/1992.

Ông và bà H1 vẫn chung sống vợ chồng hạnh phúc từ năm 1989 đến nay và có 02 con chung là Tăng Buồn S2, sinh ngày 19/8/1989 và Tăng Bùn S3, sinh ngày 12/10/2000. Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên họp**:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự Hội Liên hiệp phụ nữ xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh: Có đơn đề nghị vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tăng Bùn S1, bà Bùi Thị H1: Có đơn đề nghị vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết và trình tự tiến hành phiên họp Thẩm phán và Thư ký phiên họp đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết yêu cầu việc dân sự: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã T2 tuyên bố hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Bùi Thị H1 và ông Tăng Buồn S1 theo Giấy Chứng nhận kết hôn ngày 19/3/1989 do do Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh cấp. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Tăng Bùn S1 và bà Bùi Thị H1 kể từ ngày 01/01/1992; về lệ phí Hội Liên hiệp phụ nữ xã T2 không phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: Hội Liên hiệp phụ nữ xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh và ông Tăng Bùn S1, bà Bùi Thị H1 đều có đơn đề nghị Tòa án vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành họp việc dân sự vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Theo Giấy Chứng nhận kết hôn ngày 19/3/1989 do Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh thể hiện thông tin bà Bùi Thị H1, sinh năm 1971 và ông Tăng Bùn S1, sinh năm 1969. Căn cứ sổ hộ khẩu gia đình số 0509 do Công an huyện T3, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 01/01/1994; Giấy khai sinh đăng ký ngày 14/3/2014 và chứng minh nhân dân số290477026 do Công an tỉnh Tây Ninh cấp ngày 02/4/1987 ông S1 có tên là Tăng Bùn S1, sinh năm 1971; Giấy chứng nhận hộ khẩu thường trú số 0140 CN ngày 21/10/1982 của Công an huyện T3 và chứng minh nhân dân số 290494472 do Công an tỉnh Tây Ninh cấp ngày 01/4/2014 bà H1 có tên là Bùi Thị H1, sinh năm 1973. Căn cứ vào văn bản đề nghị ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân xã T2 xác nhận ông Tăng Bùn S1, sinh năm 1969 theo thông tin ghi trong giấy chứng nhận kết hôn và ông Tăng Buồn S1, sinh năm 1971 đối chiếu các giấy tờ nêu trên là cùng một người. Căn cứ Công văn số 503 ngày 18/11/2023 của Ủy ban nhân dân xã T4 xác nhận bà Bùi Thị H1, sinh năm 1973 và bà Bùi Thị H1, sinh năm 1971 là cùng một người.

[2.2.] Căn cứ vào các tài liệu nêu trên cũng như lời khai của bà H1, ông S1 và văn bản đề nghị của Hội Liên hiệp phụ nữ xã T2 xét thấy có đủ căn cứ xác định vào năm 1989 ông Tăng Bùn S1 lúc đó 18 tuổi và bà Bùi Thị H1 lúc đó 16 tuổi đều chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định *"Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*". Điều 9

Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định "*Việc kết hôn vi phạm một trong các Điều 5, 6, 7 của Luật này là trái pháp luật. Một hoặc hai bên đã kết hôn trái pháp luật, vợ, chồng hoặc con của người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác, Viện kiểm sát nhân dân, Hội liên hiệp phụ nữa Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn Việt Nam có quyền yêu cầu Toà án nhân dân huỷ việc kết hôn trái pháp luật*".

[2.3.] Tuy nhiên, ông Tăng Bùn S1 và bà Bùi Thị H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, vẫn chung sống hạnh phúc đến nay. Nay Hội Liên hiệp phụ nữ xã T2 yêu cầu hủy Giấy Chứng nhận kết hôn ngày 19/3/1989 do Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh cấp thì ông S1, bà H1 đồng ý hủy kết hôn trái pháp luật và ông, bà đều có đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân ông S1 và bà H1 từ thời điểm đủ tuổi kết hôn là ngày 01/01/1992 là có căn cứ.

[2.4.] Tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đang có hiệu lực điều chỉnh quy định "*Trong trường hợp tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật mà cả hai bên kết hôn đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này và hai bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân đó. Trong trường hợp này, quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm các bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này*". Xét yêu cầu của ông Tăng Bùn S1 và bà Bùi Thị H1 phù hợp với quy định của pháp luật nên cần công nhận quan hệ hôn nhân ông S1 và bà H1 từ thời điểm đủ tuổi kết hôn là ngày 01/01/1992.

[3] Về con cung: Ông S1, bà H1 có 02 con chung là Tăng Buồn S2, sinh ngày 19/8/1989 và Tăng Bùn S3, sinh ngày 12/10/2000. Các con đã trưởng thành ông S1, bà H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông S1, bà H1 không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Do đó đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên là có căn cứ.

[6] Về lệ phí: Hội Liên hiệp phụ nữ xã T2 không phải chịu lệ phí theo quy định của tại điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH1 vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH1 vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của Hội Liên hiệp phụ nữ xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Tăng Bùn S1 và bà Bùi Thị H1.

Hủy Giấy Chứng nhận kết hôn ngày 19/3/1989 do Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Tăng Bùn S1 và bà Bùi Thị H1 kể từ ngày 01/01/1992.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Hội Liên hiệp phụ nữ xã T2 không phải nộp tiền lệ phí.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự;
- Lưu tập QĐ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Mai Thị Kim Thu